

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị được sửa đổi bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị (sau đây viết tắt là Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg).

2. Quyết định này không bao gồm thẩm quyền quyết định:

a) Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị đối với các cơ quan, đơn vị của Đảng;

b) Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị đối với các cơ quan, đơn vị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;

c) Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị đối với các cơ quan, đơn vị của Hội đồng nhân dân tỉnh;

d) Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã (sau đây gọi là cơ quan);

2. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Tỉnh (sau đây gọi là đơn vị).

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quyết định về tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh quy định tại Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg

1. Trong trường hợp bổ sung số lượng máy móc, thiết bị đã quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao:

a) Cơ quan cấp tỉnh và đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc bổ sung số lượng máy móc, thiết bị hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định tại phần VI, VII, VIII Mục A Phụ lục kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao tại đơn vị mình và các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc bổ sung số lượng máy móc, thiết bị hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định tại phần VII, VIII Mục A Phụ lục kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao tại đơn vị mình và các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Trong trường hợp điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg:

a) Cơ quan cấp tỉnh và đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định điều chỉnh mức giá cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá máy móc, thiết bị quy định tại phần VI, VII, VIII Mục A Phụ lục kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg tại đơn vị mình và các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chỉnh mức giá cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá máy móc, thiết bị quy định tại

phần VII, VIII Mục A Phụ lục kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quyết định trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung quy định tại Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg

1. Đối với trường hợp bổ sung số lượng hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định tại Mục B Phụ lục kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg hoặc điều chỉnh mức giá cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá quy định tại Mục B Phụ lục kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg.

a) Cơ quan cấp tỉnh và đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ sung số lượng hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị tại đơn vị mình và cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tại cơ quan mình và các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Đối với thẩm quyền quyết định trang bị máy móc, thiết bị quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg

a) Cơ quan cấp tỉnh và đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trang bị máy móc, thiết bị quy định tại đơn vị mình và cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định trang bị máy móc, thiết bị quy định tại cơ quan mình và các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 5. Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại Điều 6 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg

1. Cơ quan cấp tỉnh và đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đối với máy móc, thiết bị chuyên dùng tại đơn vị mình và các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đối với máy móc, thiết bị chuyên dùng tại cơ quan mình và các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 6. Phân cấp thẩm quyền quyết định số lượng và mức giá đối với máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số quy định tại Mục C Phụ lục kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg

1. Cơ quan cấp tỉnh và đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định số lượng và mức giá đối với máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số quy định tại Mục C Phụ lục kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg tại đơn vị mình và các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định số lượng và mức giá đối với máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số quy định tại Mục C Phụ lục kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg tại cơ quan mình và các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 7. Phân cấp thẩm quyền quyết định số lượng, mức giá đối với máy móc, thiết bị phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước quy định tại Điều 5a Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg

1. Đối với việc quyết định số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước đối với trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5a Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg.

a) Cơ quan cấp tỉnh và đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước quy định tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg tại đơn vị mình và các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước quy định tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg tại cơ quan mình và các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Đối với việc quyết định mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg.

a) Cơ quan cấp tỉnh và đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức giá cao hơn đối với máy móc, trang bị từ số thứ tự 1 đến số thứ tự số 6 tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg và mức giá đối với số thứ tự 7, số thứ tự 8 tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg tại đơn vị mình và các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 3 Điều 5a Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mức giá cao hơn đối với máy móc, trang bị từ số thứ tự 1 đến số thứ tự số 6 tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg và mức giá đối với số thứ tự 7, số thứ tự 8 tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg tại cơ quan mình và các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 3 Điều 5a Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 9 năm 2026.

2. Quyết định số 124/2025/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành mà còn phù hợp thì tiếp tục thực hiện theo văn bản đã ban hành cho đến khi cơ quan, người có thẩm quyền theo Quy định này ban hành quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị mới thay thế.

2. Đối với máy móc, thiết bị đã được trang bị trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục sử dụng máy móc, thiết bị đã được trang bị cho đến khi thực hiện thanh lý hoặc được xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính tổ chức triển khai thực hiện Quyết định, có văn bản hướng dẫn, giải đáp khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện theo thẩm quyền, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trường hợp vượt thẩm quyền.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị, tổ chức; cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 10;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB&TCTHPL thuộc Bộ Tư pháp;
- Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Các Sở, ngành tỉnh;
- Trung tâm tin học và Công báo tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT, NC/KT.Thiện

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Diệu